

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20201
Lớp Ô TÔ 4 K10 Mã lớp học 30,655 Lý thuyết

Môn học: OMH44 Kỹ thuật lái xe

Giáo viên: Nguyễn Tiến Dũng

Số đơn vị học trình: 1

Ngày thi 17/12/2020

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD180804	Nguyễn Trung Anh	01/10/2000	7.5	1	Anh	
2	CD180940	Lê Hoài Bảo	27/10/2000	7.0	1	Bảo	
3	CD180785	Dương Doãn Bình	25/07/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			
4	CD180782	Nguyễn Sỹ Chiến	28/07/2000	7.0	1	Chiến	Học lại
5	CD180816	Phạm Văn Đắc	10/02/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			
6	CD180815	Nguyễn Tiến Đại	23/10/2000	8.0	1	Đại	
7	CD180741	Nguyễn Tiến Đạt	28/08/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			
8	CD180848	Trần Đức Đạt	25/02/2000	7.5	1	Đạt	Học lại
9	CD180920	Lê Đình Đông	13/11/1999	4.0	1	Đông	
10	CD180860	Hoàng Tiến Dũng	11/11/2000	7.5	1	Dũng	
11	CD180811	Trương Quang Dũng	30/12/2000	5.5	1	Dũng	
12	CD180753	Nguyễn Hữu Dương	12/04/2000	9.0	1	Dương	
13	CD180750	Nguyễn Văn Hiếu	21/04/2000	9.5	1	Hiếu	
14	CD180938	Phạm Minh Hiếu	14/03/2000	6.0	1	Hiếu	
15	CD180890	Lại Nhật Hoàng	16/01/2000	4.0	1	Hoàng	
16	CD180722	Tô Thành Hưng	04/03/1996	8.0	1	Hưng	
17	CD180764	Vũ Đình Khôi	27/10/2000	7.0	1	Khôi	
18	CD180812	Dương Minh Khương	16/09/2000	7.0	1	Khương	
19	CD180759	Lê Văn Kiên	04/03/1999	5.5	1	Kiên	
20	CD180735	Đỗ Văn Lâm	25/06/2000	7.5	1	Lâm	
21	CD181511	Trần Châu Long	29/05/2000	6.5	1	Long	
22	CD180902	Vũ Tiến Long	10/07/2000	6.0	1	Long	
23	CD180928	Đặng Văn Lượng	16/04/2000	6.0	1	Lượng	
24	CD180738	Dương Văn Mạnh	22/12/2000	5.0	1	Mạnh	
25	CD180930	Đỗ Hoàng Minh	10/08/2000	6.5	1	Minh	
26	CD180797	Nguyễn Bảo Minh	06/09/2000	7.5	1	Minh	
27	CD180729	Phan Huy Minh	30/12/2000	6.0	1	Minh	
28	CD180825	Nguyễn Đăng Nam	21/07/1999	8.0	1	Nam	
29	CD180711	Nguyễn Quang Nghị	06/02/2000	6.0	1	Nghị	
30	CD181517	Lê Văn Nhất	07/09/2000	6.0	1	Nhất	
31	CD180875	Nguyễn Trung Phong	15/07/2000	5.5	1	Phong	
32	CD180874	Phạm Hồng Phúc	04/01/2000	6.5	1	Phúc	
33	CD180817	Nguyễn Anh Quân	01/09/2000	6.0	1	Quân	
34	CD180905	Trần Hồng Quân	18/08/2000	7.0	1	Quân	
35	CD180854	Lưu Đình Tài	20/02/1999	6.5	1	Tài	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD180934	Phạm Tiến Tài	03/11/2000	8.0	1	<i>Tài</i>	
37	CD180908	Bùi Minh Thái	24/12/2000	8.0	1	<i>Thái</i>	
38	CD180913	Lã Xuân Thắng	29/09/2000	7.0	1	<i>Thắng</i>	
39	CD180887	Vũ Văn Thắng	23/11/2000	6.0	1	<i>Thắng</i>	
40	CD180721	Nguyễn Xuân Thủy	06/05/1997	Không được thi do không hoàn thành học phí			
41	CD180768	Nguyễn Mạnh Trung	28/08/1999	7.0	1	<i>Trung</i>	
42	CD180751	Vũ Đức Trung	23/01/1999	7.0	1	<i>Trung</i>	
43	CD180876	Cao Danh Trường	14/03/1999	7.0	1	<i>Trường</i>	
44	CD180796	Bùi Nguyễn Thiện Tú	29/05/2000	7.5	1	<i>Tú</i>	
45	CD180763	Hà Minh Tuấn	20/08/2000	6.5	1	<i>Tuấn</i>	
46	CD180720	Nguyễn Văn Tùng	20/01/2000	7.0	1	<i>Tùng</i>	
47	CD180846	Nguyễn Công Vinh	12/12/2000	8.0	1	<i>Vinh</i>	

Tổng số sinh viên dự thi: 43

Số sinh viên đạt: 41

Tổng số tờ giấy thi: 43

Ngày giáo viên nộp điểm: 05/01/2021

Hạn cuối nộp điểm:

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Nguyễn Tiến Dũng

CÁN BỘ COI THI 1

TRƯỞNG KHOA

Tăng Huy

CÁN BỘ COI THI 2

**CHỦ NHIỆM KHOA
PGS. TĂNG HUY**

Trần Việt Anh